TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Kim N, nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức D, nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Kim N trình bày: Chị và anh Bùi Đức D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng năm 2019. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống tại thôn Quán Trang, xã Bát Trang. Trong quá trình chung sống, do lối sống và tính cách không hòa hợp, không thông cảm, tin tưởng và chia sẻ với nhau; anh D chơi bời dẫn đến nợ nần, sống không chung thủy nên chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Chị và anh D không có con chung. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không giao nộp bản khai cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị N và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Từ trước Tết Nguyên đán năm 2024 đến nay, chị N và anh D sống ly thân. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân của chị N và anh D vẫn không cải thiện được. Chị N và anh D không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D. Về con chung, chị N và anh D không có; về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là anh Bùi Đức D, cư trú tại Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đỗ Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh D tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão năm 2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 18-3-2019. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, chị N và anh D không hoà thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ trước Tết Nguyên đán năm 2024 đến nay, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy, chị N và anh D đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại

Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh D không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh D vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Kim N được ly hôn anh Bùi Đức D.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Kim N đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số: 0005822 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, chị Đỗ Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Kim N và anh Bùi Đức D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Bát Trang, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt